TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2023
V/v: Ly hôn giữa bà D và ông L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Bà Dương Thị Tố Như.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, về *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Số nhà A đường P, phường L, thành phố B, tỉnh L.
Địa chỉ liên lạc: Số nhà A Quốc lộ B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).
2. *Bị đơn*: Ông Phạm Hải L, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Số nhà A đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bàyUyền Huy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Hải L đăng ký kết hôn ngày 23/7/1996 tại UBND tại L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống ông L thường xuyên uống rượu và thường xuyên đánh bà, có lần ông L còn cầm dao rượt đuổi đánh bà, ông L là người gia trưởng, không cho bà giao tiếp bên ngoài, bà giao tiếp với anh em trong

nhà bên ngoại cũng bị ông L cấm cãn, đánh đập nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, bà mong muốn được ly hôn để được giải thoát cho bản thân trước những trận đòn của ông L. Năm 2017 khi bà sinh cháu K thì bà tự đi lên bệnh viện và sinh, ông L không đến thăm bà và con lần nào, ông L lấy cớ bận công việc nên không đến bệnh viện, từ đó tình cảm bà dành cho ông L không còn nhưng vì con nên bà không ly hôn, bà và ông L tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến nay, từ ngày 30/01/2023 đến nay bà về nhà mẹ để sống, ông bà mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm của bà dành cho ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên Phạm Anh T, sinh ngày 28/2/1997; Phạm Minh T1, sinh ngày 13/10/1998; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 14/11/2000; Phạm Thị Bích L1, sinh ngày 10/7/2002 và Phạm K1, sinh ngày 27/5/2017. Hiện cháu T, cháu T1, cháu Đ và cháu L1 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, cháu K1 đang ở với ông L, bà đồng ý giao cháu K1 cho ông L nuôi dưỡng và cấp dưỡng để ông L nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Trường hợp ông L không nuôi con thì bà yêu cầu được nuôi con chung, bà đủ điều kiện nuôi con không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng có nợ chung nhưng ông bà đang trả dần, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong qúa trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Hải L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà D đăng ký kết hôn ngày 23/7/1996 tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống bình thường thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng sau đó hàn gắn, đến đầu năm 2023 do làm ăn khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà D bỏ nhà đi, thỉnh thoảng bà D về nhà, từ tháng 5/2023 đến nay thì bà D không về nhà. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà D, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 05 con chung gồm Phạm Anh T, sinh năm 1996; Phạm Minh T1, sinh năm 1998; Phạm Tiến Đ, sinh năm 2000; Phạm Thị Bích L1, sinh năm 2002; Phạm K1, sinh năm 2017. Đối với cháu T, T1, Đ, L1 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Từ khi bà D bỏ nhà đi ông là người chăm sóc cho cháu K1, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn ông nguyện vọng nuôi cháu Phạm K1 vì do bà D tự bỏ nhà ra đi, cháu K1 vẫn do ông chăm sóc. Ông làm nghề phụ hồ, làm ngói, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 07 triệu đồng, ông đủ điều kiện nuôi con, bà D cấp dưỡng bao nhiêu là tùy bà D.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung nhưng không chia tài sản nên ông bà trả dần, không ai yêu cầu nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án.

Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà D được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận; về con chung: Đối với cháu T, T1, Đ, L1 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không xem xét; giao con chung tên Phạm K1, sinh ngày 27/5/2017 cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, bà D tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng nên ghi nhận. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung, nợ riêng trong quá trình giải quyết không ai yêu cầu nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Phạm Hải L, hiện cư trú tại 1 đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Hải L đăng ký kết hôn ngày 23/7/1996 tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Theo bà D trình bày, sau khi kết hôn ông L thường xuyên uống rượu, đánh đập bà, ông có tính gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Bà và ông L không thể hàn gắn để về chung sống với nhau, ông bà không chung sống như vợ chồng từ năm 2017 đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Ông L trình bày cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng sau đó hàn gắn, đến năm 2023 do làm ăn khó khăn nên vợ chồng tranh cãi, bà D bỏ nhà từ tháng 5/2023 đến nay không về nhà, ông không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương bà D, ông L trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng có xảy ra tranh cãi, bà D về nhà mẹ đẻ sinh sống, bà D và ông L không chung sống cùng nhau. Khi bà D bỏ đi thì cháu K1 sống cùng ông L.

Ông L không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian bà D về nhà mẹ đẻ thì ông L không có tác động hàn gắn. Quá trình Tòa án làm việc, hòa giải ông L không đến Tòa án để hàn gắn, tại phiên tòa hôm nay ông cũng không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, đối với bà D cương quyết xin giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà D và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ và hợp pháp.

[3]. Về nuôi con chung: Bà D và ông L có 05 con chung tên Phạm Anh T, sinh ngày 28/2/1997; Phạm Minh T1, sinh ngày 13/10/1998; Phạm Tiến Đ, sinh ngày 14/11/2000; Phạm Thị Bích L1, sinh ngày 10/7/2002 và Phạm K1, sinh ngày 27/5/2017. Hiện cháu T, cháu T1, cháu Đ và cháu L1 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng; cháu K1 đang ở với ông L. Xét từ thời điểm bà D bỏ nhà ra đi ông L vẫn chăm sóc nuôi dưỡng cháu K1, nay ông yêu cầu trực tiếp chăm sóc cháu K1, ông đủ điều kiện nuôi con không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, bà D đồng ý giao con cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà tự nguyên cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng nên giao cháu K1 cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung, nợ riêng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà D khai không có nợ chung, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa ông L, bà D xác định có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét trong vụ án này.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Hải L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm K1, sinh ngày 27/5/2017 cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà D cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng) /tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/10/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005571 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, bà D còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ VKSND TP. Bảo Lộc;
+ T.H.A Bảo Lộc;
+ UBND xã Lộc Châu, TP.Bảo Lộc;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Qui.